

Số: 253/QĐ-UBND-XDCB

Lai Vung, ngày 15 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy nhựa  
Khải Phát Việt Nam tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Giải thích một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Công văn 379/UBND-ĐTXD ngày 30 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Sông Hậu;

Căn cứ Công văn 24/UBND-KT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thuê thêm đất tại KCN Sông Hậu để đầu tư giai đoạn 2 dự án Nhà máy nhựa Khải Phát - Việt Nam của Công ty TNHH Khải Phát Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1313/SXD-KTQH.HTKT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc ý kiến hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam (thuộc KCN Sông Hậu), xã Tân Thành, huyện Lai Vung;

Căn cứ Công văn số 143/KKT-QHXD ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp về việc ý kiến điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam - KCN Sông Hậu, huyện Lai Vung;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND-XDCB ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung;

Căn cứ Thông báo kết luận số 61/TB-VP ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung về việc thông báo ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Hữu Nghĩa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tại cuộc họp điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam tại Khu Công Nghiệp Sông Hậu, hệ thống chiếu sáng đường 1/5 và hợp XDCB tháng 7 (tại mục 1);

Xét Kiến nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 94/KTHT ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc thông báo kết quả thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam xã Tân Thành, huyện Lai Vung.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam xã Tân Thành, huyện Lai Vung, với nội dung như sau:

**1. Tên quy hoạch:** Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy nhựa Khải Phát Việt Nam tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Khải Phát Việt Nam.

**3. Địa điểm:** Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**4. Vị trí và giới hạn khu đất:**

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: khu đất điều chỉnh quy hoạch có tổng diện tích chiếm đất là 163.544,2m<sup>2</sup>. Trong khu quy hoạch Khu công nghiệp Sông Hậu.

- Ranh giới hạn của khu vực nghiên cứu:

+ Hướng Đông: Giáp ranh giới hạn thuộc KCN, đất ngoài dự án.

+ Hướng Tây : Giáp lô đất A25 và các lô đất khác thuộc KCN.

+ Hướng Nam: Giáp bờ sông Hậu và khu đất điều hành xử lý nước bẩn thuộc KCN.

+ Hướng Bắc: giáp đường gom KCN Quốc lộ 54.

**5. Tỷ lệ thể hiện:** 1/500.

**6. Quy mô:**

Tổng diện tích quy hoạch sử dụng đất là 163.544,2m<sup>2</sup>. Bao gồm 02 giai đoạn thực hiện:

Giai đoạn 1: Bao gồm 02 lô đất.

+ Lô1: A12, A13, A14, A15, A16. Diện tích: 56.045,3m<sup>2</sup>.

+ Lô 2: A17, A26, A27, A28, B11. Diện tích: 56.242,9m<sup>2</sup>.

Giai đoạn 2: Bao gồm 01 lô đất diện tích 51.266 m<sup>2</sup> (Lô A 23, A 24, B10) được sử dụng làm khu vực nhà xưởng trung tâm quản lý điều hành, văn phòng, và các công trình phụ.

7. Quy hoạch sử dụng đất (điều chỉnh):

**Bảng cân đối đất đai sau khi điều chỉnh**

STT	HẠNG MỤC	THEO QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	
		DIỆN TÍCH	TỈ LỆ
		(m <sup>2</sup> )	( % )
A	TỔNG DIỆN TÍCH	163.326,80	100
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	78.948,45	48,34
2	ĐẤT GIAO THÔNG SÂN BÃI	48.825,48	29,89
3	ĐẤT CÂY XANH	35.552,87	21,77
B	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG		48,34
C	TẦNG CAO TRUNG BÌNH		1 - 4 TẦNG
	<b>HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT</b>		<b>0,53</b>

**Bảng thống kê chi tiết các hạng mục sau khi điều chỉnh**

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>ĐẤT NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT, HỆ THỐNG KHO</b>	<b>40.586,90</b>
1	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 50x 98m	4.900,00
2	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 66 x 113m	7.458,00
3	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 50x 113m	5.650,00
4	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 25x 60m	1.500,00
5	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 25x 52,8m	1.320,00
6	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 25x 52,8m	1.320,00
7	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 25x 52,8m	1.320,00
8	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 25x 52,8m	1.320,00
9	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 50x 120m	6.000,00
10	- NHÀ XƯỞNG, KHO : 50x 120m	6.000,00

41	- NHÀ CẦU	3.323,90
42	- NHÀ KHO : 5,5 x 12m	66,00
43	- KHU RỬA LIỆU : 16 x 25m	400,00
45	- NHÀ BẢO VỆ : 3 x 3m	9,00
<b>B</b>	<b>ĐẤT KHU CÔNG CỘNG</b>	<b>9.988,60</b>
11	- NHÀ ĂN : 30 x 95m	2.850,00
12	- NHÀ XE : 56 x 85m	4.760,00
13	- NHÀ ĐH, NHÀ ĂN 3 TẦNG : 15 x 41,8m	627,00
14	- NHÀ VĂN PHÒNG : 4 TẦNG : 18 x 51,8m	932,40
15	- NHÀ ĐIỀU HÀNH, TRỰC CA, CHỖ KHÁCH : 12,8 x 42 ( 3 TẦNG )	537,60
19	- KHU VỆ SINH : 6,4 x 11m	70,40
21	- KHU VỆ SINH : 6,4 x 11m	70,40
25	- KHU VỆ SINH : 6,4 x 11m	70,40
28	- KHU VỆ SINH : 6,4 x 11m	70,40
<b>C</b>	<b>ĐẤT CÂY XANH</b>	<b>24.885,67</b>
<b>D</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>	<b>3.600,95</b>
16	- BỂ NƯỚC : 12 x 26m	312,00
17	- BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI : 30 x 42m	1.260,00
18	- NHÀ ĐẶT MÁY NÉN KHÍ : 10 x 12m	120,00
20	- TRẠM BIẾN ÁP : 12 x 16m	192,00
22	- TRẠM BIẾN ÁP : 10 x 12m	120,00
23	- TRẠM BIẾN ÁP : 12 x 16m	192,00
24	- BỂ NƯỚC : 16 x 16m	256,00
26	- TRẠM CAO ÁP : 6,7 x 12m	80,40
27	- NHÀ ĐẶT MÁY NÉN KHÍ : 10 x 12m	120,00
29	- TRẠM BIẾN ÁP : 12 x 16m	192,00
30	- CỐNG CHÍNH RỘNG 18m	
31	- CỐNG PHỤ RỘNG 12,8m	
32	- CỐNG PHỤ RỘNG 19m	
33	- CỐNG PHỤ RỘNG 16m	
34	- NHÀ BẢO VỆ : 5 x 6m	30,00
35	- NHÀ BẢO VỆ : 5 x 6m	30,00
36	- NHÀ BẢO VỆ : 5 x 6m	30,00

37	- KHO RÁC : 7 x 12m	84,00
38	- NHÀ XE 6 x 36m	216,00
39	- NHÀ ĐẶT MÁY : 6,3 x 18,5m	116,55
40	- BỂ SỰ CỐ NƯỚC THẢI : 10 x 25m	250,00
E	<b>ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ SÂN BÃI</b>	<b>32.998,48</b>

### Bảng sử dụng đất phần mở rộng

Bảng sử dụng đất phần mở rộng

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
A	<b>ĐẤT NHÀ XƯỞNG HỆ THỐNG KHO</b>	<b>23.520,00</b>
46	- NHÀ XƯỞNG, KHO, NHÀ ĐIỀU HÀNH : 112 x 210m	23.520,00
B	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ</b>	<b>1.252,00</b>
47	- BỂ NƯỚC PCCC	256,00
48	- BỂ LÀM MÁT	176,00
49	- KHU VỆ SINH ( 02 KHU )	256,00
50	- NHÀ KHO	200,00
51	- TRẠM CẤP ĐIỆN	176,00
52	- NHÀ ĐẶT MÁY NÉN KHÍ	128,00
53	- NHÀ BẢO VỆ ( 02 KHU )	60,00
C	<b>ĐẤT CÂY XANH</b>	<b>10.667,20</b>
D	<b>ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ SÂN BÃI</b>	<b>15.827,00</b>

### 8. Các nội dung điều chỉnh so với đồ án quy hoạch được duyệt:

- Điều chỉnh vị trí xây dựng, diện tích xây dựng cho phù hợp với hiện trạng khu đất (*cụ thể theo bản vẽ quy hoạch*).

- Cập nhật bổ sung giai đoạn 2 thêm khu đất 5,2ha (thuộc các lô A23, A24, B10) theo Công văn 24/UBND-KT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thuê thêm đất tại KCN Sông Hậu để đầu tư giai đoạn 2 dự án Nhà máy nhựa Khải Phát - Việt Nam của Công ty TNHH Khải Phát Việt Nam.

### 9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan (điều chỉnh):

Khu đất quy hoạch có diện tích khoảng 163.544,2 m<sup>2</sup>, có chức năng là khu công nghiệp sản xuất các mặt hàng ngành nhựa; là kênh phân phối các sản phẩm

bao bì, bạt nhựa, bao lưới, sản phẩm nhựa, nhựa tái sinh, thiết bị ngành nhựa .v.v...theo mô hình khép kín bao gồm: khu trung tâm quản lý điều hành, khu vực các nhà xưởng sản xuất, khu vực hệ thống kho chứa, khu vực các công trình cung cấp đảm bảo kỹ thuật, khu vực cây xanh hoa viên cảnh quan và đất cây xanh.

Quy mô cán bộ công nhân viên ước tính: 1.720 người.

- Căn cứ vào hiện trạng khu đất, cảnh quan xung quanh, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có và căn cứ vào yêu cầu phát triển về công nghiệp ngành nhựa...Khu đất chia làm 03 khu vực, phân chia bằng hệ thống đường số 03 KCN.

- Khu 1 56.045,3 m<sup>2</sup> là khu nhà xưởng tráng bóng, xưởng thành phẩm, xưởng in màng, nhà xe công nhân, nhà ăn, trạm cao áp, trạm biến áp.

- Khu 2 56.242,9 m<sup>2</sup> là khu vực nhà xưởng kéo sợi, xưởng dệt, xưởng tái chế; trung tâm quản lý điều hành, văn phòng, nhà ăn, khu vực xử lý nước thải.

- Khu 3 51.266 m<sup>2</sup> là khu vực nhà xưởng trung tâm quản lý điều hành, văn phòng, và các công trình phụ.

Tổ chức và bố cục không gian kiến trúc được thể hiện theo nguyên tắc sau:

- Mở công chính hướng ra Quốc lộ 54 thông qua hệ thống đường gom 7m, lấy trục đường 03 KCN làm trục trung tâm và mở các công phụ, thuận tiện trong việc quản lý và điều hành toàn khu.

- Quy hoạch các tuyến đường chính trong nhà máy đảm bảo thông suốt, thuận tiện cho hoạt động và vận chuyển hàng hóa có quy mô mặt cắt 20,0m, trong đó: Lòng đường rộng 14,0m, hè đường 2 x 3,0=6,0m. Trong Nhà máy bố trí bãi đỗ xe nằm công phụ ra vào.

- Khu nhà hành chính, dịch vụ được bố trí tại phía đầu nhà máy giáp đường gom KCN, kế cận Quốc lộ 54, là điểm nhấn của Nhà máy cũng như thuận tiện trong liên hệ, làm việc;

- Xây dựng trạm cấp nước sạch, trạm xử lý nước thải ở phía Tây Nam của khu vực thiết kế nhằm thuận tiện cho việc thoát nước sau khi được xử lý.

- Các hệ thống cây xanh cách ly đảm bảo về khoảng cách >50m so với khu dân cư, và có hệ thống hàng rào chắn cao 2,5m.

Tất cả nhà máy, kho tàng, các công trình công cộng... được bố trí trên nguyên tắc tập trung, nhằm vận chuyển có tính linh hoạt cao và điều hành thuận tiện.

## **10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điều chỉnh)**

a) Cao độ Quy hoạch giao thông:

Cote xây dựng các công trình:  $\geq + 3.700$ .

- Cote san lấp: + 3.400.

+ Các tuyến đường giao thông nội bộ: rộng từ 6m – 15 m, vỉa hè mỗi bên 3m.

+ Kết cấu mặt đường bê tông nhựa tải trọng trục đơn 10 tấn.

+ Cao độ tim đường thiết kế: +3.400.

+ Quy mô kết cấu áo đường: có cấu tạo đường cấp B1.

b) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Cấp nước sạch: Khu công nghiệp đã có hệ thống cấp nước máy đến từng nhà máy trong khu vực.

- Cấp nước sông: Phía tây nam của nhà máy tiếp giáp với Sông Hậu là nguồn nước dồi dào phục vụ cho quá trình sản xuất của nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng nước và nguồn nước

- Tiêu chuẩn áp dụng: Cấp nước mạng lưới đường ống và công trình TCXD 33:2006

+ Tiêu chuẩn cấp nước tưới cây và rửa đường là 10m<sup>3</sup>/ha.ngđ

+ Nước cung cấp cho dịch vụ là 10% Q<sub>cn</sub>;

+ Nước thất thoát và dự phòng là 20% Q<sub>cn</sub>;

+ Nước cho công nghiệp 40m<sup>3</sup>/ha.ngđ;

+ Tiêu chuẩn cấp nước cho các công trình công cộng: 38m<sup>3</sup>/ha.ngđ.

+ Nước cứu hoả cho một đám cháy cho mỗi khu: 10l/s; thời gian chữa cháy 3h; số đám cháy xảy ra đồng thời: 1 đám/ khu. Lượng nước cần thiết để chữa cháy:  $Q_{cc} = 1 \times 10 \times 3 \times 3,6 = 108m^3$ .

**Bảng tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước**

TT	Thành phần dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Q(m <sup>3</sup> /ngđ)
1	Nước cho công nghiệp	4,97 ha	40m <sup>3</sup> /ha.ngđ.	198,8
2	Nước cho các công trình công cộng	1,00 ha	38m <sup>3</sup> /ha.ngđ	38,00
3	Cấp nước dịch vụ		10% Q <sub>cn</sub>	19,88
4	Cấp nước tưới cây + rửa đường	6,26 ha	10m <sup>3</sup> /ha.ngđ	62,6
5	Nước dự phòng rò rỉ		10% Q <sub>cn</sub>	19,88
	<b>Cộng (lấy tròn)</b>			<b>340</b>

- Nguồn nước sạch tại điểm đầu nối trên QL54 từ đường ống D200 hiện có.

- Nguồn nước sông tại trạm bơm của nhà máy đặt tại phía tây nam.

- Mạng lưới đường ống phân phối tổ chức theo sơ đồ vòng. Nước sinh hoạt, nước phục vụ cứu hoả được cấp chung; cấp nước chữa cháy áp lực cao. Nước được cấp tới các xí nghiệp, các công trình công cộng tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ từ đường ống có đường kính D90; dùng ống PEHD PN8. Độ sâu chôn ống tối thiểu cách mặt đất 0,6m ống qua đường xe chạy, độ sâu chôn ống không nhỏ hơn 0.8m. Các tuyến ống đi phía trước các nhà máy xí nghiệp và có đồng hồ van chặn và xả để tiện cho công tác quản lý.

- Các ống phân phối đến các doanh nghiệp dùng nước được tính toán thủy lực theo phương pháp đương lượng. Đường ống được thiết kế đến chân công trình.

- Lắp đặt các trụ lấy nước chữa cháy Ø110 mm trên các đường ống phân phối (trụ nổi; khi có cháy sử dụng lăng phun, ống vải cuộn D50 lấy nước trực tiếp). Các trụ cứu hoả cách nhau từ 40 đến 60m được bố trí tại dọc các tuyến đường. Khi có cháy, máy bơm chữa cháy tại bể chứa hoạt động, lưu lượng bơm 36m<sup>3</sup>/h, H = 38m cấp nước cho 84 họng cứu hỏa D50, lưu lượng 2,5l/s hoạt động đồng thời. Xây dựng bể chứa nước dung tích 150m<sup>3</sup>.

c) Quy hoạch hệ thống thoát nước:

**Bảng thống kê khối lượng hệ thống thoát nước**

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Ống HDP8 D90	m	2.880
2	Tê HDPE D90/90	Cái	30
3	Tê HDPE D90/90	Cái	15
4	Van hai chiều D90	Cái	25
5	Van một chiều D90	Cái	2
6	Mối nối mềm D110	Cái	2
7	Họng cứu hỏa D50	Cái	84
8	Trạm bơm, bể chứa	Trạm	03

d) Phương án cấp điện:

- Nguồn điện:

+ Phương án cấp điện: khu vực được cấp điện do nguồn điện của mạng lưới Quốc gia cung cấp thông qua trạm biến áp trung gian 35/10kV (2500+1000kVA) và trung gian 35/10kV (1000kVA).

+ Tại khu vực 1 của của nhà máy bố trí 1 trạm cao áp và 02 trạm biến áp, khu vực 2 bố trí 2 trạm biến áp để cấp điện cho khu nhà máy Khải Phát Việt Nam có công suất 2120kVA (Được tính toán phù hợp với dây truyền sản xuất hiện tại và mở rộng các năm tiếp theo

+ Khu vực khác giữ nguyên hiện trạng đang có.



- Lưới điện:

+ Lưới điện trung thế 35kV: nằm trong khu vực nghiên cứu có đường dây 35kV đi qua sẽ dịch chuyển, hoàn trả trên phần đất via hè QL54.

+ Đường dây 35kV dịch chuyển đi nổi dài 680m. Đường dây đi trên cột bê tông ly tâm cao 18m, dây dẫn dùng dây cáp nhôm AC-185.

+ Đường dây 35kV đi ngầm cấp điện cho các trạm biến áp dài 600m. Dây dẫn dùng dây đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x120)mm<sup>2</sup>.

- Khu phía Bắc xây dựng 03 trạm biến áp 35(22)/04k V với tổng công suất 2120kVA cấp điện cho toàn bộ phụ tải KCN Sông Hậu. Trạm biến áp sử dụng trạm Kiosk hợp bộ, vị trí trạm đặt tại khu đất khuôn viên cây xanh.

- Lưới điện hạ thế :

+ Trên cơ sở trạm biến áp đó thiết kế xây dựng đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Toàn bộ đường dây hạ thế đi ngầm.

+ Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220kV ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm tiết điện XLPE-185, XLPE-150, XLPE-120, XLPE-95, XLPE-70, XLPE-50 đi trong tuynel hoặc trong hào kỹ thuật.

+ Bán kính lưới hạ thế không quá 400m trong khu công nghiệp, nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây.

+ Đường dây 0,4kV xây dựng mới đi ngầm dài 740m.

+ Đường dây chiếu sáng xây dựng mới đi ngầm dài 2720m.

+ Đường dây 0,4kV dịch chuyển đi nổi dài 311m.

- Đường dây trung thế, hạ thế, chiếu sáng và các vị trí TBA giữ nguyên.

- Lưới điện chiếu sáng:

Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu. Cột đèn chiếu sáng dùng cột bát giác cao từ 7 đến 10m tùy theo mặt cắt ngang đường. Dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10. Có tổng chiều dài là 2720m.

Hệ thống đường dây 35kV, chiếu sáng, hạ thế được bố trí đi ngầm trên vỉa hè đảm bảo mỹ quan khu công nghiệp.

Đèn chiếu sáng dùng đèn cao áp 150W có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương. Độ dọi:

+ Đường chính:  $0,8 \div 1 \text{cd/m}^2$ .

+ Đường khu vực:  $0,6 \div 0,8 \text{cd/m}^2$ .

+ Để phù hợp với địa hình thực tế và để giảm kinh phí xây dựng, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ 30m đến 50m.

## 11. Hồ sơ thẩm định: Gồm các bản vẽ (03 bộ màu)

- Bản đồ hiện trạng.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất.
- Bản đồ quy hoạch tổng thể kiến trúc cảnh quan.
- Bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông
- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện.
- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn.
- Bản đồ quy hoạch tổng hợp đường dây, đường ống.
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.
- Thuyết minh tổng hợp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức thực hiện:

- Công bố, công khai quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện.

- Các nội dung khác ngoài phạm vi điều chỉnh quy hoạch vẫn giữ theo Quyết định số 183/QĐ-UBND-XDCB ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, Chủ đầu tư và các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (thực hiện);
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND huyện;
- Lãnh đạo văn phòng;
- Lưu: VT, NC<sub>Thế</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Nghĩa